

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH

2010

REFRIFICO



Tháng 04/2011

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.....	3
Sứ mệnh	4
Slogan.....	4
Giá trị văn hóa cốt lõi.....	4
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY.....	5
1. Thông tin chung	5
2. Ngành nghề kinh doanh.....	5
3. Các công ty Thành viên	6
4. Hội đồng quản trị.....	7
5. Ban Kiểm Soát.....	8
6. Ban điều hành	9
7. Quá trình phát triển và những sự kiện quan trọng	11
BÁO CÁO CỦA HĐQT.....	19
1. Tổng quan.....	19
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	19
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	20
4. Triển vọng và kế hoạch năm 2011.....	21
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
1. Tình hình tài chính của công ty	23
2. Cơ cấu tài sản - nguồn vốn	24
3. Kết quả sản xuất kinh doanh.....	25
4. Nguồn nhân lực.....	26
5. Chính sách đối với Người lao động.....	26
5.1 Tuyển dụng.....	26
5.2 Đào tạo.....	26
5.3 Lương thưởng.....	26
5.4 Phúc lợi, đãi ngộ	26
6. Trách nhiệm đối với cộng đồng	27
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Cơ cấu cổ đông của Searefico Group	28
2. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần Searefico	28
3. Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội Đồng Quản Trị	28
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	(Văn bản đính kèm)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	29



Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2010 kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khá với mức tăng GDP là 6,7% nhưng doanh nghiệp phải chịu nhiều áp lực trong môi trường kinh doanh đầy biến động. Đây là năm chúng ta phải chịu gánh nặng lạm phát hai con số; hai tỷ giá trong ngoài; lãi suất ngân hàng vượt trần; nhà nước siết chặt tín dụng nên thị trường bất động sản trầm lắng và đầu tư cho chế biến thủy sản cũng giảm, nhiều khách hàng của công ty gặp có khó khăn, doanh số ký hợp đồng của công ty sụt giảm.

Kết thúc năm 2010, toàn nhóm công ty Searefico đạt tổng doanh thu 518 tỷ đồng vượt 16,29% so với kế hoạch kinh doanh được thông qua tại ĐHCĐ năm tài chính 2009, tăng 30,32% so với năm trước. Mặc dù HĐQT quyết định chưa bán lô đất ở Đà Nẵng như dự kiến nhưng lợi nhuận trước thuế của công ty vẫn đạt 50,5 tỷ đồng, vượt 1% so với kế hoạch đặt ra tại ĐHCĐ năm 2009. Hoạt động M&E tăng trưởng tốt, doanh thu tăng 44,55% so với năm trước và tỷ lệ lãi gộp tiếp tục được cải thiện. Hoạt động Lạnh công nghiệp và sản xuất kinh doanh Panel nay thuộc lĩnh vực hoạt động của Arico, công ty 100% vốn của Searefico tuy còn nhiều khó khăn do Arico là công ty mới thành lập, khấu hao tăng cao nhưng chúng ta vẫn duy trì được mức tăng trưởng lợi nhuận không thấp hơn năm 2009.



CT HĐQT Nguyễn Hữu Thịnh

Dự báo năm 2011 sẽ là một năm đầy khó khăn do khi thế giới xuất hiện nhiều thảm họa, xung đột và bất ổn chính trị. Nền kinh tế toàn cầu tiếp tục phải đối mặt với khủng hoảng lương thực và lạm phát tăng cao. Trong nước thì các điều kiện kinh tế vĩ mô chưa được cải thiện, chính sách hạn chế cho vay phi sản xuất của ngân hàng nhà nước làm cho thị trường bất động sản tiếp tục giảm sâu. Lạm phát, lãi vay và chênh lệch tỷ giá sẽ tiếp tục tác động xấu lên hoạt động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên với truyền thống vượt khó, trong năm 2011 chúng tôi sẽ tiếp tục tái cấu trúc lại bộ máy, hoàn thiện hơn nữa công tác cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư, tăng cường tính minh bạch; chú trọng khai thác những cơ hội và thị trường mới, sản phẩm mới, củng cố lại sức mạnh cốt lõi của công ty trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tiết kiệm trong chi tiêu, quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2011.

Xin cảm ơn quý vị cổ đông đã quan tâm chia sẻ và gửi gắm niềm tin ở Searefico. Thách thức đang chờ phía trước nhưng khó khăn sẽ không làm cho CBCNV Searefico nản lòng, chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hết mình để đáp ứng được mong đợi của quý cổ đông, các đối tác và nhà đầu tư.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN HỮU THỊNH



Sứ mệnh

Không ngừng hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ ngày càng tốt hơn

Slogan

Luôn đi cùng sự phát triển của bạn
Always in favour of your development

Giá trị văn hóa cốt lõi

SINCERITY **A**CCOUNTABILITY **E**DUICATION **I**NNNOVATION **O**BJECTIVE
EXCELLENT **R**ESPECT **F**AIRNESS **C**OOPERATION

Sincerity - Trung thực

Thẳng thắn và trung thực là nền tảng trong ứng xử và thực hiện công việc. Tất cả những gì chúng tôi làm hàng ngày phải phù hợp với đạo lý, đạo đức kinh doanh và tuân thủ pháp luật.

Excellent - Luôn hoàn thiện

Sản phẩm luôn được cải tiến. Công trình sau phải tốt hơn công trình trước. Ngày hôm nay phải hơn hôm qua nhưng không bằng ngày mai. Đây không chỉ là khẩu hiệu mà còn là tiêu chí đánh giá kết quả công việc của chúng tôi.

Accountability - Chủ động

Công ty mong muốn xây dựng một môi trường làm việc đề cao trách nhiệm cá nhân cùng với tính tự chủ, khuyến khích nhân viên chủ động giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Respect - Tôn trọng

Chúng tôi tôn trọng mọi sự khác biệt về quan điểm, màu da, ngôn ngữ, tuổi tác, vị trí công tác và khuyến khích sự tham gia bình đẳng của tất cả thành viên trong công ty

Education - Học hỏi

Không ngừng học hỏi để hoàn thiện. Các cấp lãnh đạo phải hướng dẫn, giúp đỡ, làm rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn công việc và thiết lập mục tiêu cá nhân cho mỗi nhân viên.

Fairness - Công bằng

Đánh giá và phát triển nhân viên một cách khách quan, công bằng, minh bạch. Chính sách đãi ngộ dựa trên đóng góp của cá nhân nhưng hài hòa với lợi ích chung của tập thể. Có trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp cho xã hội.

Innovation - Sáng tạo

Ban lãnh đạo công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo, trân trọng những ý tưởng mới lạ, chấp cánh cho những hoài bão và ước mơ của nhân viên.

Cooperation - Hợp tác

Chúng tôi xây dựng và cố gắng cho một môi trường làm việc cởi mở, chân thành, tích cực, hợp tác và đoàn kết.

Objective - Có mục tiêu

Quản lý theo mục tiêu kết quả. Mục tiêu của các bộ phận phải phù hợp và hướng đến mục tiêu chung của Công ty. Lấy hiệu quả làm thước đo chính trong mọi hoạt động.



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH
Tên giao dịch	SEAREFICO
Vốn điều lệ	80.200.660.000 đồng
Trụ sở chính	<u>62 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh</u>
Điện thoại	(84-8) 3846 3847
Fax	(84-8) 3846 2932
Website	www.searefico.com
Email	info@searefico.com
Tên chứng khoán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh (SEAREFICO)
Mã chứng khoán	SRF
Mệnh giá	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	8.020.066 cổ phiếu

2. Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Tư vấn, khảo sát, thiết kế cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng.
- ✚ Sản xuất và gia công, chế tạo máy móc, thiết bị, vật liệu cơ điện lạnh.
- ✚ Thầu thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước.
- ✚ Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh, các phương tiện vận tải.
- ✚ Thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu trực tiếp các loại vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng.
- ✚ Dịch vụ lập dự án đầu tư, quản lý đầu tư.
- ✚ Kinh doanh bất động sản.



3. Các công ty Thành viên

Công ty TNHH 1 Thành viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO) có vốn điều lệ 70 tỷ đồng có trụ sở và nhà máy tại lô 25 – 27, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. HCM. ARICO được thành lập với 100% vốn của SEAREFICO và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/1/2010. Ngành nghề kinh doanh của ARICO hiện nay bao gồm các hoạt động của khối Lạnh công nghiệp và nhà máy Panel.



Công Ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO)

Nhà máy Panel hiện nay là đơn vị trực thuộc công ty ARICO.

Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng (SEAREE) là một đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của SEAREFICO. Ngành nghề kinh doanh của SEAREE tương tự như SEAREFICO. Địa bàn hoạt động của SEAREE bao gồm các tỉnh miền Trung và phía Bắc.



Công Ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng (SEAREE)



Nhà máy Panel



4. Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN HỮU THỊNH

Sinh năm 1958, Chủ tịch Hội đồng quản trị – đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh từ năm 1999. Ông tốt nghiệp trường Đại Học Bách Khoa Đà Nẵng năm 1981. Cả cuộc đời và sự nghiệp Ông gắn liền với sự phát triển của Searee và Searefico. Ông Thịnh có 30 năm kinh nghiệm trong ngành cơ điện lạnh và kinh qua nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo công ty từ năm 1990 đến nay. Ông có quan hệ rộng với các đối tác trong ngoài ngành và được sự tin cậy của khách hàng cũng như CBCNV trong công ty.

Sinh năm 1958, Thành viên Hội Đồng Quản Trị – đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh từ năm 1999. Bà đã gắn bó với Công ty từ năm 1987 qua nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo của Searee và Searefico trong lĩnh vực kế toán tài chính. Hiện nay bà phụ trách tiểu ban kiểm soát của HĐQT.

Bà Diệu có bằng Thạc sỹ về Tài chính từ năm 2002.



Bà HỒ THỊ HOÀNG DIỆU



Ông LÊ TẤN PHƯỚC

Sinh năm 1965, Thành viên Hội đồng quản trị – đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh từ năm 1999. Ông tốt nghiệp Đại Học Bách Khoa và gia nhập vào đội ngũ CBCNV của Công ty từ năm 1987 đến nay.

Ông Phước đã trải qua nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo của Searee và Searefico trong lĩnh vực kỹ thuật và kinh doanh và hiện đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty.

Sinh năm 1969, Thành viên Hội Đồng Quản Trị. Ông Việt hiện là Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích đầu tư của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt.

Ông Việt tốt nghiệp Cử nhân Chế biến thực phẩm của Viện Công Nghệ Odessa, có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại học Sydney và đã từng giảng dạy tại khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Tp HCM.



Ông CUNG TRẦN VIỆT



Ông PHẠM ANH TÚ

Sinh năm 1974, Thành viên Hội Đồng Quản Trị. Ông Tú hiện là Giám đốc tài chính của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ đầu tư chứng Khoán Bản Việt từ năm 2007. Trước đó, ông cũng đã giữ nhiều chức vụ khác nhau như Giám đốc phát triển kinh doanh, Giám đốc quan hệ khách hàng của Citibank và HSBC. Ông Tú tốt nghiệp Cử nhân khoa Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.



5. Ban Kiểm Soát

Sinh năm 1960, Trưởng Ban Kiểm Soát của công ty nhiệm kỳ 2009 - 2013. Ông Hưng đã từng phục vụ trong công ty Searefico từ năm 1994 đến 2006 và hiện nay là Phó giám đốc Công ty giáo dục đào tạo Đại Thế Giới. Ông Hưng tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí và có bằng Cử nhân về Tài chính.



Ông PHẠM VIỆT HƯNG



Ông TRẦN HỮU HIỆP

Sinh năm 1979, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty. Ông Hiệp tốt nghiệp Cử nhân Tài chính năm 2001 và kinh qua nhiều vị trí công việc trong lĩnh vực kế toán và đầu tư tài chính. Hiện nay ông Hiệp là Phó phòng Tài chính Kế toán của Công ty Nguyễn Kim Holdings.

Sinh năm 1979, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty. Ông Việt tốt nghiệp Cử nhân kế toán. Ông Việt làm việc cho công ty Savico từ năm 2002 – 2009 và hiện đang công tác tại Ngân Hàng An Bình.



Ông MAI HỒNG VIỆT



6. Ban điều hành

Ông LÊ TẤN PHƯỚC - Tổng Giám Đốc

Sinh ngày: 29/8/1965 tại Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt và máy lạnh



Quá trình công tác:

Năm 1987 - 1991

Kỹ sư Xưởng cơ điện, kiêm phụ trách Khối vận hành kho lạnh của Seaprodex Đà Nẵng.

Năm 1990 - 1993

Kỹ sư trưởng, Phó Phòng Vật tư Kỹ thuật và Trưởng Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Cơ điện lạnh Đà Nẵng (SEAREE).

Năm 1993 - 1996

Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kỹ thuật, Phụ trách Bộ phận phía Nam của SEAREE, Giám đốc dự án Horizon Hà Nội.

Năm 1996 - 1999

Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Kỹ nghệ Lạnh

Năm 1999 - 2005

Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh - thị trường, Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Lạnh

Năm 2005 - nay

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Lạnh

Ông NGUYỄN QUANG CHƠN - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày: 01/01/1957 tại Quảng Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện



Quá trình công tác:

Năm 1980 - 1988

Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Cảng Đà Nẵng

Năm 1988 - 1999

Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện lạnh Đà Nẵng (SEAREE) kiêm phụ trách BP Phía Bắc.

Năm 1999 - nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh kiêm Giám đốc Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng (SEAREE)

Ông LÊ CẢNH ĐOÀN - Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu

Sinh ngày: 15/03/1962 tại Quảng Trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện



Quá trình công tác:

Năm 1985 - 1991

Giảng viên Khoa Điện, Trường ĐH Bách Khoa Đà Nẵng

Năm 1991 - 1999

Kỹ sư Thiết kế, Phó phòng Kỹ thuật và Trưởng phòng Kỹ thuật - XN Cơ điện lạnh Seaprodex - Đà Nẵng (SEAREE)

Năm 1999 - 2002

Trưởng Phòng Kỹ thuật và Trưởng Phòng Nghiên cứu và Phát triển - Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh.

Năm 2002 - 2005

Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kỹ thuật và sản xuất, Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh.

Năm 2005 - 2009

Giám đốc điều hành Khối Lạnh công nghiệp - Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh.

Năm 2010 - nay

Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu



Ông MAI CHÁNH THÀNH - Giám Đốc điều hành Khối M&E

Sinh ngày: 22/09/1973 tại Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt và máy lạnh



Quá trình công tác:

Năm 1995 – 1997

Kỹ sư thiết kế, Phòng Kỹ thuật XN Cơ điện lạnh Đà Nẵng

Năm 1998 – 2002

Kỹ sư dự án, Phòng Thị trường Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Năm 2002 – 2005

Phó Phòng Thị trường, Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Năm 2005 – 2006

Giám đốc dự án, Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Năm 2006 – nay

Giám đốc điều hành Khối M&E – Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 15/11/1973 tại Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Kế toán Tài chính



Quá trình công tác:

Năm 1995 – 2003

Kế toán viên Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng

Năm 2003 – 2004

Kế toán tổng hợp Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Năm 2004 – 2009

Phó Phòng kế toán Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh

Năm 2010 – nay

Kế toán trưởng – Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh



7. Quá trình phát triển và những sự kiện quan trọng

7.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh tiền thân là Xưởng cơ khí Phú Lâm được thành lập ngày 18/11/1977 theo quyết định số 1501/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyên sản xuất nước đá, thiết bị và dụng cụ chế biến thủy sản xuất khẩu.

Ngày 30/8/1988 Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng được thành lập là đơn vị thành viên của Công ty XNK Thủy sản Miền Trung, hoạt động trong lĩnh vực lạnh công nghiệp và cơ điện công trình.

Ngày 01/04/1993, Công ty Kỹ Nghệ Lạnh (SEAREFICO) được thành lập theo Quyết định số 95/TS/QĐTC là doanh nghiệp nhà nước loại 1 trực thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Việt Nam (Seaprodex Vietnam).

Tháng 11/1996 Bộ thủy sản ra quyết

định sáp nhập Xí nghiệp Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng (SEAREE) vào Công ty Kỹ Nghệ Lạnh trực thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam.

Năm 1999, Công ty Kỹ Nghệ Lạnh được cổ phần hóa với vốn điều lệ 12 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh, tên giao dịch là SEAREFICO.

Ngày 21/10/2009, 8.020.066 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), mã chứng khoán là SRF.

Ngày 1/1/2010 công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO) đã chính thức đi vào hoạt động, đây là công ty con có 100% vốn của SEAREFICO.

7.2 Quá trình tăng vốn

Tháng 2/2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới), nâng vốn thực góp từ 12.000.000.000 đồng lên 23.978.500.000 đồng. Đây là lần tăng vốn đầu tiên của SEAREFICO kể từ khi cổ phần hóa năm 1999 với vốn ban đầu 12.000.000.000 đồng.

Tháng 11/2007, Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và phát hành ra công chúng thông qua bán đấu giá, tăng vốn thực góp từ 23.978.500.000 đồng lên 46.368.240.000 đồng.

Tháng 5/2008, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:7,3 – nâng vốn điều lệ từ 46.368.240.000 đồng lên 80.200.660.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty hiện tại nay là 80.200.660.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301825452 thay đổi lần thứ 7 ngày 04/11/2010 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ của Công ty không thay đổi trong năm 2010.

Giá trị sổ sách (Book Value) của công ty tính đến 31/12/2010 là 42.132 đồng, tăng 8% so với năm 2009.

7.3 Tình hình hoạt động

Từ năm 2000 đến nay, SEAREFICO luôn giữ vững vị trí hàng đầu trong ngành Cơ Điện Công Trình qua việc trúng thầu và thi công hàng loạt các công trình trọng điểm trên khắp cả nước với giá trị hàng trăm tỷ đồng. Công ty được các chủ đầu tư trong ngoài nước biết đến như một trong hai nhà thầu Việt Nam có đủ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình có quy mô lớn, các dự án được thiết kế, thi công theo các chuẩn mực quốc tế. Tên tuổi Searefico/Searee gắn với các công trình chất lượng cao, giúp cho sản phẩm của dự án được tiêu thụ tốt hơn.

Trong lĩnh vực lạnh công nghiệp, Searefico/Arico cũng là đơn vị dẫn đầu trong cả nước. Khách hàng của Công ty là các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu; nhà máy chế biến nông sản và thực phẩm; các doanh nghiệp trong ngành sữa, rượu bia, nước giải khát; ngành dược phẩm và y tế. Nhờ liên tục đột phá trong lĩnh vực công nghệ cao, công ty đã cho ra đời những sản phẩm mới như băng chuyền cấp đông nhanh liên tục IQF siêu tốc tấm phẳng, IQF siêu tốc lưới, IQF xoắn, IQF tăng sôi cấp đông rau quả, máy làm đá vảy tự động, dây chuyền tẩm bột và chiên, hệ thống



kiểm soát vận hành nhà máy FMS (SCADA).

Nhà máy panel cách nhiệt Polyurethane của Công ty sử dụng công nghệ sạch (CFC free) theo công nghệ của châu Âu và là nhà máy hiện đại nhất Việt Nam hiện nay. Sản phẩm Panel dùng làm kho lạnh, vách ngăn cách nhiệt cách âm và phòng sạch (clean room) trong cách ngành công nghiệp chế biến, điện tử, dược phẩm và y tế.

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh cũng tự hào là đơn vị đầu tiên trong ngành cơ điện lạnh đạt chứng chỉ ISO 9001 do tổ chức BVC Vương quốc Anh chứng nhận và luôn duy trì liên tục chứng nhận này trong 10 năm qua. Năm 2010 công ty đã hệ thống quản lý chất lượng lên phiên bản mới ISO 9001: 2008 và cũng hoàn tất giấy chứng nhận ISO cho công ty thành viên kỹ nghệ lạnh Á Châu (ARICO)

Công ty đã vinh dự được nhà nước trao tặng huân chương lao động hạng hai, hạng ba và các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

cho các cá nhân, tập thể và huy chương vì sự nghiệp phát triển của các Bộ, Ngành. Sản phẩm của công ty cũng được trao các giải thưởng chất lượng như: Cúp vàng thương hiệu Việt, huy chương vàng của các hội chợ quốc tế hàng công nghiệp.

Công ty cũng tham gia và đóng góp tích cực cho các hiệp hội ngành nghề như:

- ❖ Hiệp hội Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- ❖ Hiệp hội kho lạnh quốc tế IARW (International Association of Refrigerated Warehouse)
- ❖ Hiệp hội kỹ sư lạnh, điều hòa không khí và sưởi ấm Hoa kỳ (ASHRAE)
- ❖ Hội lạnh quốc tế IIR (International Institute of Refrigeration)
- ❖ Hội doanh nghiệp trẻ YBA (Youth Business Association)
- ❖ Hội các nhà quản trị doanh nghiệp VACD



Hoạt động cơ điện công trình (M&E)

Tính đến 31/3/2011, Công ty đã trúng thầu thi công nhiều dự án lớn như: Banyan Tree Resort giá trị hợp đồng 16,15 triệu USD, dự án Azura Luxury Apartment giá trị 4,37 triệu USD, Diamond Island giá trị 6,6 triệu USD. Giá trị hợp đồng chưa thực hiện chuyển sang các năm sau khoảng 880 tỷ đồng. Searefico tự hào được tiếp tục ghi tên trong các dự án lớn nhất, sang trọng nhất và đắt tiền nhất tại Việt Nam.

Doanh thu thực hiện của hoạt động M&E trong năm 2010 là 342 tỷ đồng tăng 44% so với năm 2009, chiếm tỷ lệ 66% trong tổng doanh thu của Công ty. Khó khăn lớn nhất là hầu hết các chủ đầu tư đều muốn giao thầu bằng VNĐ, trong khi công ty chỉ chấp nhận ký hợp đồng bằng USD hoặc nếu ký bằng VNĐ thì phải kèm các điều kiện để giảm bớt rủi ro cho nhà thầu như tăng tỷ lệ ứng trước, bù chênh lệch tỷ giá khi vượt quá mức quy định. Vượt qua những khó khăn nói trên, nhờ quản lý chặt chẽ đơn giá, khối lượng thực hiện và theo dõi thu hồi công nợ hàng tháng nên hoạt động M&E trong năm qua vẫn có dòng tiền tốt trong điều kiện lãi vay, lạm phát và chênh lệch tỷ giá tăng cao.

Thị trường bất động sản tại Việt Nam đã khá hoàn thiện với nhiều dự án từ quy mô nhỏ đến rất lớn, nhiều công năng, loại hình và dịch vụ đa dạng. Đồng thời, thị trường này cũng đang phân hóa mạnh mẽ thành nhiều phân khúc khác nhau, có tính riêng biệt và chuyên môn hóa cao, thu hút sự tham gia của nhiều chủ đầu tư, công ty tư vấn thiết kế, nhà thầu và nhà cung cấp nước ngoài. Nhu cầu, thị hiếu và

thói quen sinh hoạt của người dân cũng dần thay đổi giúp thúc đẩy thị trường căn hộ và các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch và vui chơi giải trí kết hợp với hội nghị cao cấp. Nhiều xu hướng thiết kế xanh hơn, sạch hơn và tiết kiệm năng lượng hơn theo các tiêu chuẩn LEED, LOTUS... đang mở ra cơ hội mới cho ngành M&E. Ngoài ra, từ ngày 1/1/2011 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã có hiệu lực thi hành và đây là yếu tố pháp lý chi phối các hoạt động thiết kế, thi công, bảo trì và quản lý sử dụng công trình xây dựng. Với lợi thế trong ngành M&E, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào phân khúc cao cấp, các dự án vừa và lớn kể cả một số nhà máy công nghiệp đặc thù. Công ty cũng sẽ tập trung vào lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, thiết kế và áp dụng các sản phẩm thân thiện môi trường; thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo để tìm chỗ đứng mới trong phân khúc này.

Trong năm 2011 công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tách hoạt động M&E thành đơn vị hạch toán phụ thuộc, tìm kiếm các đối tác chiến lược để nâng tầm hoạt động, mở rộng thị trường. Hiện nay Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý đặc biệt là quản lý dự án và khâu thiết kế triển khai. Trong năm Công ty đã đầu tư hàng tỷ đồng để mua phần mềm thiết kế Revit MEP theo bản quyền chính thức của AutoDesk và phần mềm quản lý dự án Naviswork với mục tiêu nâng cấp chất lượng thiết kế thi công trong môi trường chuyên nghiệp hóa.



Phòng kinh doanh / Sales Department



Phòng Nghiên cứu phát triển / Research and development department



CÁC CÔNG TRÌNH SEAREFICO ĐANG THỰC HIỆN

Cung cấp thiết bị và lắp đặt trọn gói hệ thống M&E:



DIAMON ISLAND – Bình Trưng Tây Q.2

- Hệ thống tủ trung thế
- Hệ thống máy biến áp
- Máy thống máy phát điện
- Hệ thống điện cấp nguồn & chiếu sáng
- Hệ thống chống sét & kết nối với HT nối đất
- Hệ thống camera quan sát CCTV
- Hệ thống telephone và data
- Hệ thống âm thanh công cộng
- Hệ thống kiểm soát cửa
- Mạng cáp truyền hình MATV
- Hệ thống báo cháy & liên lạc khẩn cấp
- Hệ thống chữa cháy tự động

- Hệ thống điều hoà không khí và thông gió
- Hệ thống điện & chiếu sáng
- Hệ thống chống sét & kết nối với HT nối đất
- Hệ thống camera quan sát CCTV
- Hệ thống âm thanh công cộng
- Hệ thống kiểm soát cửa



BANYAN TREE RESORT - Thừa Thiên Huế

- Hệ thống điện động lực & chiếu sáng
- Hệ thống cấp thoát nước

**BEST WESTERN NHA TRANG PLAZA,
Nha Trang, Khánh Hoà**



THE SUN VILLAS DANANG

- Hệ thống điện động lực & chiếu sáng
- Hệ thống cấp thoát nước



Hoạt động Lạnh công nghiệp

Doanh thu thực hiện của hoạt động Lạnh công nghiệp và Panel trong năm 2010 của toàn nhóm công ty là 176,5 tỷ tăng 9,5% so với năm 2009, chiếm tỷ lệ 34% trong tổng doanh thu của toàn nhóm Công ty. Lợi nhuận trước thuế của công ty Arico chỉ đạt 96,89% so với kế hoạch đã đề ra tuy nhiên đây là một nỗ lực rất lớn của CBCNV công ty. Lý do chính là do dự án mới đầu tư, công ty mới thành lập, chi phí khấu hao tăng cao trong khi doanh thu chưa tăng kịp.

Khó khăn lớn nhất của hoạt động Lạnh công nghiệp và Panel trong năm 2010 là phải vừa di dời hoạt động sang khu công nghiệp; xây dựng và tổ chức lại quy trình sản xuất kinh doanh trong khi phải bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm Arico đã nhận được chứng chỉ ISO 9001: 2008 trong khuôn khổ hệ thống quản lý chất lượng của công ty mẹ, giúp công tác quản lý được nhất quán, xuyên suốt và tiết kiệm chi phí. Nhà máy Arico cũng đã hoàn thành các thủ tục bảo vệ môi trường, PCCC, xin được giấy phép chế tạo thiết bị áp lực, xây dựng trang web mới, in ấn catalogue và tài liệu quảng cáo. Do nhà máy mới đặt tại khu công nghiệp, đi lại khá xa và thiếu an toàn nên việc thu hút nguồn nhân sự gặp nhiều khó khăn. Bước đầu công ty đã xây dựng được đội ngũ làm việc gắn kết, biết chia sẻ và hợp tác, tuy nhiên vị trí vẫn còn phải

kiếm nhiệm. Cán bộ kinh doanh cũng công ty cũng phải nỗ lực trong công tác tiếp thị để ký kết các hợp đồng mới và giải quyết khối lượng công việc cũng như công nợ tồn đọng của các hợp đồng cũ.

Tính đến 31/3/2011, doanh số ký hợp đồng của toàn công ty trong lĩnh vực Lạnh công nghiệp và Panel đạt 214 tỷ đồng, giá trị hợp đồng chuyển thực hiện trong những năm sau hơn 130 tỷ đồng. Các hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng công ty ký được trong năm là dự án Cổ Lịch (Công ty NSTP Tiền Giang) có giá trị trên 60 tỷ đồng và dự án của Cty Cửu Long Seapro, Cty Tân Phong Phú, Cty Hoa Sen, Cty Ut Xi mỗi hợp đồng giá trị từ 15 – 20 tỷ đồng. Trong năm 2011, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất tại nhà máy mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu đưa ra thị trường những sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao hơn.

Ngoài các khách hàng truyền thống trong ngành chế biến thủy sản và thực phẩm, ngành sữa và rượu bia nước giải khát; Các lĩnh vực tiềm năng khác cho hoạt động Lạnh công nghiệp và Panel là khai thác và chế biến sau thu hoạch, hóa dầu, trang thiết bị y tế và dược phẩm, thiết bị dùng trong ngành bánh kẹo, thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Đây là các lĩnh vực mà công ty đang ưu tiên tìm kiếm đối tác để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường và phát huy năng lực sản xuất hiện có.



Polyurethane Insulation Panel





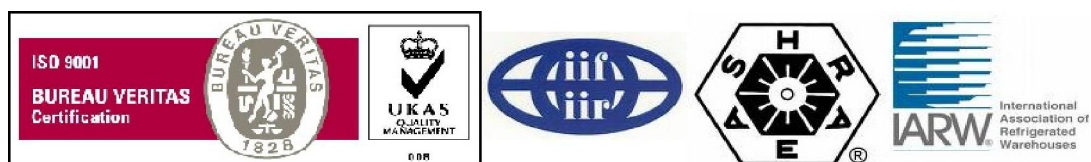
Các nhà cung cấp



Khách hàng của công ty



Các hiệp hội, tổ chức liên kết



Các huy chương, bằng khen và giấy chứng nhận



BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Tổng quan

Kế hoạch 2010 được Công ty xây dựng trình ĐHCĐ trong tình hình thị trường diễn biến phức tạp với bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nên kế hoạch đặt ra khá thận trọng. Thực tế chúng ta đã phải đối mặt với một thị trường tiền tệ hai tỷ giá trong ngoài và chỉ trong vòng 12 tháng NHNN đã phải hai lần điều chỉnh giảm giá đồng nội tệ tổng cộng gần 15% khiến các hợp đồng ký bằng VNĐ của công ty không thể tránh khỏi thiệt hại. Giá cả vật tư

đầu vào tăng cao do lạm phát vượt ngưỡng dự báo làm tăng giá thành trong khi giá bán không thay đổi. Lãi suất leo thang, lãi vay vượt ngưỡng 20% khiến một số chủ đầu tư đứng trước nguy cơ phá sản hoặc mất khả năng thanh toán trong ngắn hạn. Kết thúc năm 2010, với những nỗ lực vượt bậc, toàn nhóm công ty vẫn bảo toàn vốn và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch, bảo đảm doanh số ký hợp đồng và khối lượng chuyển giao cho các năm sau.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

2.1 Về doanh thu, lợi nhuận

STT	Chỉ tiêu	KH 2010 (tỷ đồng)	TH 2010 (tỷ đồng)	Tỷ lệ % HTKH
1	Doanh thu thực hiện	446.00	518.63	116.29%
2	Lợi nhuận trước thuế	50.00	50.49	100.99%
.	Cổ tức	25.0%	40.0% (*)	160.00%

(*) Cổ tức đã chi trong năm là 10%, dự kiến chi thêm 30% (chờ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2010)

2.2 Kết quả thực hiện một số nội dung khác theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2009

Dự án 127 An Dương Vương: Công ty đã tiến hành đàm phán bước đầu với một số đối tác, xem xét các bản đề xuất do đối tác thực hiện. Công ty cũng đã thuê tư vấn CBRE thẩm định dự án khả thi trình HĐQT theo hướng phát triển một trung tâm thương mại và chung cư cấp trung bình phù hợp với quy hoạch chung của thành phố. Hiện nay đang tiếp tục đàm phán về phương án liên doanh và điều kiện hợp đồng liên doanh. Nếu dự án được triển khai trong năm 2011 thì đến cuối năm 2013 sẽ ra được sản phẩm, đón đầu một chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường bất động sản.

Về việc bán lô đất tại Đà Nẵng: Do thị trường bất động sản trong năm 2010 bị đóng băng, mặc dầu Công ty đã cho đăng tải trên các báo và thông qua nhiều Công ty môi giới BĐS nhưng vẫn không bán được với giá đã

thông qua đại hội. Do đó trong kết quả hoạt động 2010 không có phần lợi nhuận dự kiến từ việc bán lô đất này là 23 tỷ như KH đã trình ĐHCĐ 2009. Hy vọng trong năm 2011 chúng ta sẽ bán được với giá tốt hơn.

Cổ tức: Theo kế hoạch được thông qua tại ĐHCĐ năm tài chính 2009, năm 2010 công ty dự kiến chi cổ tức 25%. Trong năm 2010 đã chốt danh sách và chi tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%. HĐQT sẽ trình Đại hội Đồng Cổ đông phê duyệt mức chi cổ tức năm 2010 trong một tờ trình riêng với mức dự kiến là 40%.

Chương trình bán cổ phiếu ưu đãi: Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt quy chế và danh sách CBCNV được mua cổ phiếu ưu đãi. Căn cứ ý kiến phản hồi của HĐQT công ty điều chỉnh và sẽ trình HĐQT phê duyệt chính thức để thực hiện, dự kiến thực hiện xong trong năm 2011.



Chương trình ESOP: Trong năm 2010 do TTCK đang sụt giảm và trong năm công ty có mua cổ phiếu quỹ nên chưa thể thực hiện. Công ty sẽ lựa chọn thời điểm phù hợp để triển khai trong 3 năm 2011 – 2013, sau khi đã bán cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV.

Trong năm 2010 do chưa thuận lợi nên việc thành lập Công ty Cổ phần Searee chưa được triển khai. Công ty sẽ tiếp tục các bước cần thiết để chuẩn bị cho sự ra đời của các công ty con khác được thành lập trên cơ sở hoạt động của Searee (Đà Nẵng) và Khối M&E (TPHCM).

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

3.1 Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối

STT	Các quỹ	Số dư	
		31/12/2009	31/12/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	9,356,640,464	12,222,929,030
2	Quỹ dự phòng tài chính	2,745,690,701	4,676,745,846
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,584,724,959	1,176,322,449
4	LNST chưa phân phối	32,120,321,943	41,996,315,556

Trong năm 2010, công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2009 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2009 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

- ❖ Quỹ dự phòng tài chính (5%): 1.931.055.145 đồng
- ❖ Quỹ đầu tư phát triển: 2.866.288.566 đồng
- ❖ Quỹ khen thưởng (5%): 1.931.055.145 đồng
- ❖ Quỹ phúc lợi (3%): 1.158.633.087 đồng
- ❖ Chi cổ tức (40%/mệnh giá): 31.800.164.000 đồng
- ❖ Lợi nhuận chưa phân phối: 0.00 đồng

3.2 Cổ phiếu quỹ

Tính đến ngày 31/12/2010, chi tiết cổ phiếu quỹ của cty như sau:

- Tổng số Cổ phiếu quỹ: 707.140 Cp, chiếm 8,82%/ vốn điều lệ
- Giá mua bình quân: 27.882đ/cổ phiếu

3.3 Các khoản đầu tư trong năm

Năm 2010, dự án Arico thực hiện hoàn thành toàn bộ các hạng mục XDCB. Riêng phần đầu tư mua sắm thiết bị, do thị trường có nhiều biến động không thuận lợi, HĐQT đã quyết định cắt giảm hoặc gián tiếp độ một số hạng mục. Giá trị đầu tư đã thực hiện tính đến 31/12/2010 là 124.3 tỷ. Các hạng mục còn lại đang chờ HĐQT phê duyệt chuyển sang KH 2011-2012 là 30.7 tỷ.

Công ty cũng đã ký hợp đồng với công ty A&C để thực hiện việc kiểm toán XDCB dự án Arico và đã hoàn thành ngày 8/4/2011 (Có báo cáo riêng, quý vị cổ đông có thể tham khảo trên Website của Công Ty)

Công ty đã đầu tư mua license các phần mềm thiết Revit MEP, phần mềm quản lý dự án Naviswork của hãng Autodesk cho công ty mẹ và công ty thành viên ARICO với tổng giá trị gần 1 tỷ đồng.



3.4 Sản phẩm mới

Công ty xác định phải luôn đi trước các đối thủ cạnh tranh một bước trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và lựa chọn áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất. Trong năm công ty đã nghiên cứu đưa ra thị trường thiết bị cấp đông nhanh IQF đời mới dựa trên nền tảng công nghệ LVS (Low Volume System). LVS là một hướng đi mới trong kỹ thuật cấp đông giúp tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu suất của thiết bị và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Công ty cũng hợp tác, liên doanh liên kết với đối tác nước ngoài để rút ngắn quá trình phát triển sản phẩm và mở rộng thị phần, hướng

đến xuất khẩu. Một lĩnh vực mới đang được triển khai áp dụng trong ngành lạnh và điều hòa không khí đó là hệ thống trữ nhiệt Thermal Energy System (TES) giúp tích nhiệt vào ban đêm để phát lạnh vào ban ngày. TES giúp tiết kiệm tiền điện, cân bằng phụ tải và giảm công suất đặt của thiết bị. Do vậy, đây là xu hướng thiết kế đang được một số chủ đầu tư ưu chuộng ở các dự án kho lạnh, điều hòa trung tâm, hệ thống làm lạnh nước trong các nhà máy đông lạnh, chế biến sữa, rượu bia và nước giải khát.

3.5 Mở rộng thị trường

Công ty đang xúc tiến tìm kiếm đối tác nước ngoài để hợp tác theo hướng liên doanh, liên kết để tăng doanh thu, mở rộng thị phần và mạng lưới khách hàng, trong đó có thị trường xuất khẩu, mục tiêu là rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm và nhanh chóng tiếp cận với công nghệ mới. Công ty đã tiến hành đàm phán với một số đối tác như AWGI, Johnson Control International, John Bean Technologies,

IceSynergy Inc, Taisei Oncho... tuy nhiên việc đàm phán cũng gặp nhiều trở ngại do thị trường biến động, một số đối tác xin lùi kế hoạch đàm phán vào thời điểm khác phù hợp. Hiện nay, công ty đang có kế hoạch nghiên cứu khả năng sản xuất và phân phối các sản phẩm sử dụng năng lượng tái tạo để đón đầu một xu thế mới về năng lượng của thế kỷ 21.

3.6 Cơ cấu tổ chức

Kể từ ngày 1/1/2010 Khôi Lạnh Công Nghiệp và Nhà máy Panel cũng chính thức chuyển sang hoạt động dưới pháp nhân mới là Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO). Riêng hoạt động sản xuất Panel vẫn đặt tại nhà máy cũ để dành mặt bằng ARICO cho phương án đa dạng hóa sản xuất, liên doanh

với nước ngoài.

HDQT đã thống nhất thuê một kiểm soát viên độc lập báo cáo trực tiếp cho HDQT. HDQT cũng đã quyết định thành lập Tiểu ban Kiểm soát của HDQT do Bà Hồ Thị Hoàng Diệu làm Trưởng Ban.

3.7 Thay đổi nhân sự trong năm

Từ ngày 22/03/2010 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương được bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng Công ty và ông Lê Văn Minh thôi kiêm nhiệm (Ông Minh đã thôi việc từ ngày 02/06/2010).

Ngày 1/4/2011 bà Hồ Thị Hoàng Diệu đã có đơn xin từ nhiệm chức vụ TV HĐQT. Ngày 8/4/2011 ông Trần Hữu Hiệp cũng đã có đơn từ nhiệm chức vụ TV BKS của Công ty.

4. Triển vọng và kế hoạch năm 2011

Thủy sản là một trong 4 ngành xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam với doanh thu hàng năm trên 4 tỷ USD. Searefico là nhà cung cấp thiết

bị lớn nhất cho ngành với hơn 280 khách hàng trong số gần 400 nhà máy chế biến thủy sản. Từ cuối năm 2008 ngành thủy sản gặp khó



khẩn khiến doanh thu mảng lạnh công nghiệp có phần sút giảm. Dự kiến từ cuối năm 2012, ngành thủy sản sẽ lấy lại đà tăng trưởng mạnh mẽ như những năm 2005-2007.

Việt Nam đến năm 2015 vẫn còn là nước nông nghiệp. Ngành rau quả, nông sản (chế biến sau thu hoạch) tăng trưởng 17,7% giai đoạn 2005 – 2010 và mục tiêu trong giai đoạn 2011 – 2015 sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân 19% năm. Khuyến khích gia tăng tỷ trọng hàng hóa giá trị gia tăng (nông sản thực phẩm) phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sẽ tạo thêm cơ hội nhà sản xuất thiết bị trong nước. Nhà nước cũng có chính sách khuyến khích hỗ trợ cho ngành cơ khí trong nước sản xuất máy móc thay thế thiết bị nhập khẩu.

Ngành rượu bia nước giải khát với mục tiêu của ngành là 188 triệu lít rượu, 4.0 tỷ lít bia và 4.0 tỷ lít nước giải khát đến năm 2015. Searefico đã và đang cung cấp các hệ thống lạnh nhưng chưa cung ứng được dây chuyền thiết bị trọn gói cho ngành.

Ngành công nghệ hóa dầu là lĩnh vực có tiềm năng lớn, đang được nhà nước ưu tiên phát triển. Trong tương lai, công ty cũng có khả năng cung cấp một số thiết bị áp lực, bồn bể, các thiết bị truyền nhiệt truyền chất cho ngành này.

Các lĩnh vực khác như dược phẩm và trang thiết bị y tế, thiết bị bếp, dây chuyền sản xuất kem, bánh kẹo... cũng là mảng thị trường tiềm năng mà công ty nhắm đến khi đầu tư xây dựng dự án nhà máy mới tại KCN Tân Tạo (Công ty ARICO).

Trong lĩnh vực bất động sản năm 2011 sẽ còn nhiều khó khăn khi thị trường cao ốc vẫn phòng đang có cung lớn hơn cầu, các dự án căn hộ cao cấp cũng đóng băng thiếu người mua – đây lại là phân khúc thị trường chính của Searefico nên hoạt động của Searee Đà Nẵng và Khối M&E sẽ chịu nhiều ảnh hưởng.

Riêng phân khúc nhà ở dành cho người có thu nhập thấp và trung bình sẽ là điểm sáng của thị trường, đặc biệt là căn hộ nhỏ dành cho các cặp vợ chồng trẻ vẫn đang tạo cơn sốt trên thị trường BĐS do nhu cầu còn rất lớn, trong đó các dự án ở khu vực cửa ngõ thành phố không quá xa trung tâm như Quận 12, Quận 6, Tân Phú, huyện Hóc Môn đang hút khách bởi lợi thế về giao thông và giá cả vẫn còn ở mức thấp. Đón bắt nhu cầu của thị trường, hiện nay công ty đang lập phương án triển khai dự án căn hộ trung bình trên khu đất 14.000 m² tại Quận 6 để đón đầu thị trường, chủ trương này phù hợp với quy hoạch chung của thành phố sẽ di dời các nhà máy trong nội thành ra khu công nghiệp.

Kế hoạch 2011

Nhìn chung, năm 2011 được dự báo còn nhiều khó khăn nhưng cũng tiềm ẩn nhiều cơ hội xen lẫn các yếu tố bất ổn và khó dự đoán. Do thị trường sụt giảm và dự án Arico phải gánh khẩu hao rất lớn trong năm đầu tiên nên kết quả sản xuất kinh doanh của công ty sẽ bị ảnh hưởng. Hội Đồng Quản Trị công ty đề ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	TH 2010 (tỷ đồng)	KH 2011 (tỷ đồng)	So sánh với TH 2010
Doanh số ký hợp đồng	470.43	674.00	143.27%
Doanh thu thực hiện	518.63	576.00	111.06%
Lợi nhuận trước thuế	50.49	50.00	99.03%
Cổ tức dự kiến	40%	≥30%	75%

(*) Dự kiến chia cổ tức kế hoạch 2011 là ≥30% trên mệnh giá cổ phần tương ứng với vốn điều lệ 80,200,660,000 đồng



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính của công ty

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
----------	-----	------	------

1. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	9.97	8.65
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	5.83	7.59
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	12.67	14.56

2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.77	1.91
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.36	1.25
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0.77	0.75

3. Chỉ tiêu về đòn cân tài chính

Tổng nợ/ Tổng tài sản	%	53.97	47.87
Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	117.27	91.83

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 của PwC)

Khả năng sinh lời



2. Cơ cấu tài sản - nguồn vốn

Những thay đổi về vốn góp cổ đông và cổ tức chia trong năm

Trong năm 2010, Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh không có biến động về vốn góp cổ đông.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 7.312.926 cổ phiếu trong đó cổ phiếu phổ thông là 7.312.926 cổ phiếu, không có cổ phiếu ưu đãi.
- Số lượng cổ phiếu quỹ công ty đang nắm giữ là 707.140 cổ phiếu

Bảng cân đối kế toán tóm tắt 31/12/2010 (Nguồn: BCTC kiểm toán của PwC)

TÀI SẢN		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I TÀI SẢN NGẮN HẠN		443,841,546,625	622,582,873,181
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	170,747,461,056	57,099,397,652
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8,517,872,455	208,260,677,140
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	97,456,123,413	210,183,321,526
4	Hàng tồn kho	153,408,219,828	143,664,152,807
5	Tài sản ngắn hạn khác	13,711,869,873	3,375,324,056
II TÀI SẢN DÀI HẠN		147,197,997,968	57,874,540,821
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	94,810,867,841	40,736,556,590
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,434,434,456	7,752,539,842
5	Tài sản dài hạn khác	44,952,695,671	9,385,444,389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		591,039,544,593	680,457,414,002
NGUỒN VỐN		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I NỢ PHẢI TRẢ		282,928,115,257	367,272,418,634
1	Nợ ngắn hạn	232,338,606,507	352,779,178,674
2	Nợ dài hạn	50,589,508,750	14,493,239,960
II VỐN CHỦ SỞ HỮU		308,111,429,336	313,184,995,368
1	Vốn chủ sở hữu	308,111,429,336	313,184,995,368
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		591,039,544,593	680,457,414,002



3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2009, Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế đề ra tương ứng là 446 và 50 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 27 tỷ đồng và lợi nhuận từ việc bán lô đất Đà Nẵng là 23 tỷ đồng).

Năm 2010 mặc dù có nhiều khó khăn nhưng nhóm công ty Searefico đã nỗ lực phấn đấu đạt được doanh thu thuần 518,67 tỷ đồng, tăng trưởng gấp đôi trong vòng 05 năm kể từ sau tái cấu trúc vào tháng 10/2005.

So với năm 2009, doanh thu thuần thực hiện trong năm 2010 tăng 30,32%; tương ứng lợi nhuận từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ đạt 36,33 tỷ đồng, tăng 34,86% so với lợi

nhuận thực hiện năm 2009, vượt 34,6% so với kế hoạch đề ra là 27 tỷ đồng.

Mặc dù trong năm HĐQT quyết định không bán lô đất tại Đà Nẵng nhưng Công ty vẫn đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đề ra, lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 50,49 tỷ, tăng 1% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế đề ra tại ĐHCĐ năm tài chính 2009.

Riêng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2010 vượt 87% so với kế hoạch. Đây là một thành quả vượt bậc trong một năm mà thị trường biến động và điều kiện kinh tế vĩ mô còn quá nhiều bất ổn như với những vấn đề rất lớn như lạm phát, tỷ giá, lãi vay ngân hàng.

Sơ lược kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Năm nay so năm trước	Thực hiện so kế hoạch
1. Doanh thu thuần từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	398.003	446.000	518.670	130,32%	116,29%
2. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51.629	50.000	50.493	97,80%	100,99%
Hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (*)	Triệu đồng	51.629	27.000	50.493	97,80%	187,01%
LN do bán đất	Triệu đồng		23.000	Chưa thực hiện		
3. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	39.687		44.849	113,01%	
4. Vốn điều lệ	Triệu đồng	80.201		80.201		
5. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	Đồng	4.950		5.750	116,12%	

(*) Lợi nhuận trước thuế năm 2009 có phần hoàn nhập dự phòng chứng khoán hơn 9,3 tỷ và hỗ trợ lãi suất hơn 1,5 tỷ.

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2010 THEO LĨNH VỰC	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Cơ điện công trình (M&E)	342.011	65,94%
Lạnh Công Nghiệp	148.719	28,67%
Panel cách nhiệt	27.807	5,36%
Kinh doanh khác	133	0,03%



4. Nguồn nhân lực

Số lượng CBCNV làm việc trực tiếp cho Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là: 596 người. Theo cơ cấu như sau:

Phân loại lao động theo trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trình độ trên đại học	5	0,84%
Trình độ đại học	219	36,75%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	129	21,64%
Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	243	40,77%
Tổng cộng	596	100%

(Số lượng CBCNV chưa bao gồm công nhân thời vụ thuộc các đội thi công làm việc tại các công trường)

5. Chính sách đối với Người lao động

5.1 Tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch nhân sự hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên:

Lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước.

Lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề kỹ thuật cao, kinh nghiệm, năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp tại các trường trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

Phần lớn cán bộ quản lý và lãnh đạo được đề bạt và luân chuyển trong nội bộ công ty.

5.2 Đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên luôn là ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty. Trong năm 2010, Công ty đã triển khai và áp dụng các loại hình đào tạo sau:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ
- Đào tạo về quản lý
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Kèm cặp trong công việc

5.3 Lương thưởng

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp Công ty,

người lao động tại công ty được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng như:

Định kỳ xét điều chỉnh lương định kỳ mỗi năm một lần theo hiệu quả công việc và xem xét điều chỉnh lương trước thời hạn các trường hợp có thành tích xuất sắc nổi bật.

Thưởng nhân dịp lễ tết và các ngày kỷ niệm, ngày thành lập công ty.

Thưởng hiệu quả cuối năm theo thành tích cá nhân và bộ phận.

Thưởng đột xuất do mang lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc đạt được thành tích nổi bật.

Chính sách thưởng cổ phiếu và bán cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên cũng đã và đang được áp dụng nhằm thu hút và giữ gìn nhân tài.

Ngoài lương thưởng, người lao động còn có các khoản phụ cấp, trợ cấp và chế độ đãi ngộ khác tùy theo chức vụ và đặc điểm công việc. Mức thu nhập bình quân của CBCNV tại Công ty trong năm 2010 gần 15 tháng lương.

5.4 Phúc lợi, đãi ngộ

Ngoài các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty còn thực hiện việc mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB-CNV có ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Mới đây công ty đã quyết định nâng mức bảo hiểm tai



nạn cho CBCNV lên gấp đôi, do điều kiện làm việc công trường có nhiều rủi ro do tai nạn lao động.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CB-CNV bằng cách trợ cấp khó khăn đột xuất, chúc mừng đối với các nhân viên cưới hỏi, thăm hỏi đồng viên đối với nhân viên bị ốm đau nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Việc tổ chức cho CB-CNV đi tham quan nghỉ mát và

khám sức khỏe định kỳ trong năm 2010 cũng được Ban chấp hành công đoàn và Phòng Nhân sự Hành chính phối hợp thực hiện chu đáo hàng năm.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, ngày Hội gia đình Searefico, các buổi sinh hoạt tập thể và hoạt động vì cộng đồng khác.

6. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Trong năm 2010, cùng với việc phát triển sản xuất kinh doanh nâng cao đời sống người lao động, Công ty còn thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội nhằm thể hiện sự quan tâm chia sẻ của Công ty đến lợi ích cộng đồng thông qua một số hoạt động điển hình như sau:

Tổ chức cho CB-CNV Công ty quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại bởi các trận lũ lụt.

Đóng góp ủng hộ quỹ phòng chống lụt bão của TP.HCM như truyền thống nhiều năm qua

của Công ty.

Ủng hộ Quỹ sữa “Vươn cao” của Vinamilk để cùng góp phần cải thiện tầm vóc của trẻ em nghèo Việt Nam.

Ủng hộ Quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam tại Hà Nội.

Phụng dưỡng 01 bà mẹ VNAH ở thành phố Đà Nẵng

Tài trợ đội Bkit4u của Đại Học Bách Khoa TP.HCM trong cuộc thi chung kết Robocons năm 2010.

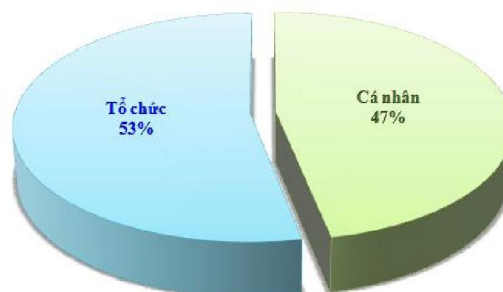


THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu cổ đông của Searefico Group

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 18 tháng 03 năm 2011, cơ cấu cổ đông của Searefico như sau:

Thành phần cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	7,974,866	99.40%
Cá nhân	3,737,199	46.60%
Tổ chức	4,237,667	52.80%
Cổ đông nước ngoài	45,200	0.60%
Cá nhân	14,250	0.20%
Tổ chức	30,950	0.40%
Tổng cộng	8,020,066	100.00%



2. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần Searefico

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VietCapital)	Phòng 2 (Lầu 19), CENTEC TOWER Số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, Tp. HCM	1,452,410	18.11%
Tổng Công Ty Thủy sản Việt Nam	Số 2 - 4 - 6 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM	1,038,000	12.94%
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk	184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	432,500	5.39%

3. Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội Đồng Quản Trị

Tên cổ đông	Chức danh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch	163/1 Huỳnh Văn Bánh, P.12, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM	235,626	2.94%
Hồ Thị Hoàng Diệu	Thành viên	55/4 Hồ Văn Huê, P.09, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM	248,860	3.10%
Lê Tấn Phước	Thành viên	28/1/4 Phan Đình Giót, P.02, Q. Tân Bình, Tp. HCM	214,727	2.68%
Cung Trần Việt	Thành viên	Đại diện Quỹ Đầu tư CK Bản Việt, tỷ lệ cổ phần là 18,11%		
Phạm Anh Tú	Thành viên			



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tham khảo báo cáo kiểm toán 2010 Searefico (đính kèm)



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01a – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02a – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03a – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09a – DN/HN)	10
PHỤ LỤC 1 – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ	35
PHỤ LỤC 2 – BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ	41

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 9 năm 1999 và đã điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 4 tháng 11 năm 2010.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch
	Ông Lê Tấn Phước	Thành viên
	Bà Hồ Thị Hoàng Diệu	Thành viên
	Ông Cung Trần Việt	Thành viên
	Ông Phạm Anh Tú	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hữu Thịnh	Chủ tịch HĐQT
--------------------------------------	----------------------	---------------

Trụ sở chính	62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
---------------------	--

Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
-----------------------	--

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 9 năm 1999, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Ngày</u>
Thay đổi lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 3 năm 2005
Thay đổi lần thứ hai	Ngày 8 tháng 7 năm 2005
Thay đổi lần thứ ba	Ngày 24 tháng 10 năm 2006
Thay đổi lần thứ tư	Ngày 19 tháng 3 năm 2007
Thay đổi lần thứ năm	Ngày 9 tháng 12 năm 2008
Thay đổi lần thứ sáu	Ngày 25 tháng 8 năm 2010
Thay đổi lần thứ bảy	Ngày 4 tháng 11 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng.

Trụ sở chính: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ lạnh (SEAREFICO) tại số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại Đà Nẵng: Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng (SEAREE) Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Văn phòng Đại diện tại Hà Nội: B1005 Hà Thành Plaza, Tòa nhà B số 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO) có trụ sở tại Lô 25-27 Đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104002210 ngày 22 tháng 10 năm 2007 để thành lập một công ty mới 100% vốn của Công ty với tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên Kỹ nghệ lạnh Á Châu ("Công ty con"). Công ty con có trụ sở chính tại Lô 25-27 đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. Trong năm 2008, Công ty mới này được đăng ký như một dự án đầu tư với Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (HEPZA) và nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000103 ngày 2 tháng 4 năm 2008. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010, dự án đã được chuyển giao cho công ty mới này dưới hình thức góp vốn.

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất, gia công, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ kiện ngành cơ điện lạnh, dịch vụ tư vấn, lắp ráp, cung cấp vật tư thiết bị, thi công, lắp đặt và bảo trì, sửa chữa các hệ thống, thiết bị cơ-nhiệt-điện lạnh, thiết bị ngành tự động hóa và điều khiển, hệ thống thang máy và thang lăn, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, trang trí nội - ngoại thất.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con được hợp nhất thành báo cáo tài chính của Tập đoàn (gọi chung là "Tập đoàn"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số công ty con được hợp nhất là 1 công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được thiết lập và lưu giữ thích hợp để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý, tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty con ủy quyền cho Giám đốc Công ty con chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của công ty con đáp ứng các yêu cầu nhất quán với chính sách kế toán của công ty mẹ.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính riêng của Công ty con là cơ sở để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Hữu Thịnh
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được Hội đồng Quản trị phê chuẩn vào ngày 21 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2705
Ngày 21 tháng 3 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tại ngày 31.12.2009 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		443.841.546.625	622.582.873.181
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	170.747.461.056	57.099.397.652
111	Tiền		170.747.461.056	57.099.397.652
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	8.517.872.455	208.260.677.140
121	Đầu tư ngắn hạn		17.526.364.236	216.594.480.101
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.008.491.781)	(8.333.802.961)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		97.456.123.413	210.183.321.526
131	Phải thu khách hàng	5	102.326.786.901	103.933.377.692
132	Trả trước cho người bán		12.019.350.959	107.593.996.584
135	Các khoản phải thu khác		3.536.057.876	4.651.014.112
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(20.426.072.323)	(5.995.066.862)
140	Hàng tồn kho	6	153.408.219.828	143.664.152.807
141	Hàng tồn kho		155.692.679.448	146.765.673.068
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.284.459.620)	(3.101.520.261)
150	Tài sản ngắn hạn khác		13.711.869.873	3.375.324.056
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		31.404.842	86.007.563
152	Thuế GTGT được khấu trừ		6.628.667.934	474.439.593
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.620.284.082	135.604.816
158	Tài sản ngắn hạn khác		5.431.513.015	2.679.272.084
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		147.197.997.968	57.874.540.821
220	Tài sản cố định		94.810.867.841	40.736.556.590
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	81.865.844.089	25.380.157.271
222	Nguyên giá		124.282.017.230	62.254.031.288
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(42.416.173.141)	(36.873.874.017)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	4.361.611.930	4.223.229.037
228	Nguyên giá		4.521.185.526	4.347.582.526
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(159.573.596)	(124.353.489)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(c)	8.583.411.822	11.133.170.282
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.434.434.456	7.752.539.842
258	Đầu tư dài hạn khác	4(b)	11.798.110.678	12.521.786.044
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	4(b)	(4.363.676.222)	(4.769.246.202)
260	Tài sản dài hạn khác		44.952.695.671	9.385.444.389
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	38.551.067.391	181.783.143
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9	6.391.628.280	9.203.661.246
268	Tài sản dài hạn khác		10.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		591.039.544.593	680.457.414.002

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tại ngày 31.12.2009 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		282.928.115.257	367.272.418.634
310	Nợ ngắn hạn		232.338.606.507	352.779.178.674
311	Vay và nợ ngắn hạn	10(a)	26.609.962.912	84.402.956.942
312	Phải trả người bán		44.848.993.957	60.545.670.227
313	Người mua trả tiền trước		83.070.192.970	102.242.588.882
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.258.562.283	19.966.612.522
315	Phải trả người lao động		9.787.464.948	11.558.508.901
316	Chi phí phải trả	12	50.711.954.326	55.779.622.522
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	5.173.132.871	11.702.640.171
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	7.702.019.791	4.995.853.548
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.176.322.449	1.584.724.959
330	Nợ dài hạn		50.589.508.750	14.493.239.960
334	Vay và nợ dài hạn	10(b)	42.611.952.548	1.400.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5.531.008.591	5.232.690.600
338	Doanh thu chưa thực hiện		2.446.547.611	7.860.549.360
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		308.111.429.336	313.184.995.368
410	Vốn chủ sở hữu		308.111.429.336	313.184.995.368
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17	80.200.660.000	80.200.660.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	188.731.182.260	188.826.182.260
414	Cổ phiếu quỹ		(19.716.403.356)	(64.500.000)
417	Quỹ đầu tư phát triển		12.222.929.030	9.356.640.464
418	Quỹ dự phòng tài chính		4.676.745.846	2.745.690.701
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.996.315.556	32.120.321.943
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		591.039.544.593	680.457.414.002

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2010	Tại ngày 31.12.2009
USD		27.093,82	49.146,17
JPY		45.000,00	-
AUD		4,41	4,41
EUR		4.049,08	15.542,00
GBP		28,24	35,59


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởngLê Tấn Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.731.158.512	399.595.402.769
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(61.400.000)	(1.592.773.523)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.669.758.512	398.002.629.246
11	Giá vốn hàng bán	(431.766.888.079)	(335.366.459.394)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.902.870.433	62.636.169.852
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27.316.803.863	25.483.329.245
22	Chi phí tài chính	(14.106.218.991)	(2.806.460.727)
	Trong đó: Chi phí lãi vay	(7.180.903.758)	(3.349.960.633)
24	Chi phí bán hàng	(663.970.495)	(582.174.645)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(49.906.803.806)	(35.113.791.905)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.542.681.004	49.617.071.820
31	Doanh thu khác	1.222.014.818	2.917.230.941
32	Chi phí khác	(271.627.848)	(905.587.529)
40	Lợi nhuận khác	950.386.970	2.011.643.412
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.493.067.974	51.628.715.232
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.831.793.452)	(17.357.923.490)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.812.032.966)	5.416.404.201
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	44.849.241.556	39.687.195.943
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.748	4.950



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Lê Tân Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	50.493.067.974	51.628.715.232
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.125.573.163	4.183.486.115
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	12.901.549.147	(7.162.580.386)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(272.709.177)	1.304.884.883
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(25.630.739.010)	(21.775.304.744)
06	Chi phí lãi vay	7.180.903.758	3.349.960.633
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	51.797.645.855	31.529.161.733
09	Giảm /(tăng) các khoản phải thu	88.369.445.982	(37.006.180.424)
10	Tăng hàng tồn kho	(7.945.491.867)	(57.100.648.552)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả	(45.461.686.508)	98.938.993.247
12	Tăng các chi phí trả trước	(37.700.097.474)	50.216.151
13	Tiền lãi vay đã trả	(7.170.749.471)	(3.349.960.633)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.825.895.568)	(4.495.690.601)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.507.049.205	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.188.129.576)	(2.510.070.705)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	19.382.090.578	26.055.820.216
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(61.586.152.163)	(8.995.122.419)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	87.161.628	2.857.143
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(196.707.390.000)	(451.194.493.782)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	396.086.145.366	337.690.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25.191.566.683	3.004.824.876
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	163.071.331.514	(100.721.950.637)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(19.746.903.356)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	239.053.878.223	151.410.627.461
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(255.500.009.462)	(67.314.695.419)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(32.606.275.100)	(5.775.331.800)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(68.799.309.695)	78.320.600.242
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	113.654.112.397	3.654.469.821
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 57.099.397.652	53.421.244.659
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.048.993)	23.683.172
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 170.747.461.056	57.099.397.652

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Lê Tân Phước
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một phần hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh (tên tiếng Anh là Seaprodex Refrigeration Industry Corporation - SEAREFICO) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 9 năm 1999, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Ngày</u>
Thay đổi lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 3 năm 2005
Thay đổi lần thứ hai	Ngày 8 tháng 7 năm 2005
Thay đổi lần thứ ba	Ngày 24 tháng 10 năm 2006
Thay đổi lần thứ tư	Ngày 19 tháng 3 năm 2007
Thay đổi lần thứ năm	Ngày 9 tháng 12 năm 2008
Thay đổi lần thứ sáu	Ngày 25 tháng 8 năm 2010
Thay đổi lần thứ bảy	Ngày 4 tháng 11 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn, khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị và thi công lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng.

Trụ sở chính: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ lạnh (SEAREFICO) tại số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại Đà Nẵng: Công ty Cơ điện lạnh Đà Nẵng (SEAREE) Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Văn phòng Đại diện tại Hà Nội: B1005 Hà Thành Plaza, Tòa nhà B số 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (ARICO) có trụ sở tại Lô 25-27 Đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104002210 ngày 22 tháng 10 năm 2007 để thành lập một công ty mới 100% vốn của Công ty với tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên Kỹ nghệ lạnh Á Châu ("Công ty con"). Công ty con có trụ sở chính tại Lô 25-27 đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. Trong năm 2008, Công ty mới này được đăng ký như một dự án đầu tư với Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (HEPZA) và nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000103 ngày 2 tháng 4 năm 2008. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010, dự án đã được chuyển giao cho công ty mới này dưới hình thức góp vốn.

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất, gia công, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ kiện ngành cơ điện lạnh, dịch vụ tư vấn, lắp ráp, cung cấp vật tư thiết bị, thi công, lắp đặt và bảo trì, sửa chữa các hệ thống, thiết bị cơ-nhiệt-điện lạnh, thiết bị ngành tự động hóa và điều khiển, hệ thống thang máy và thang lăn, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, trang trí nội – ngoại thất.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho Giám đốc Công ty con chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của công ty con đáp ứng các yêu cầu nhất quán với chính sách của công ty mẹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 593 nhân viên.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các chính sách kế toán được áp dụng khi soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong niên độ trước.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con được hợp nhất thành báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (gọi chung là "Tập đoàn"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số công ty con được hợp nhất là 1 công ty.

2.2 Hợp nhất báo cáo

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sẽ được hợp nhất theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Giá trị sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ (quy định tại Chuẩn mực Kế toán "Hợp nhất kinh doanh", chuẩn mực này cũng quy định phương pháp kế toán khoản lợi thế thương mại phát sinh).

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con thay đổi hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết) để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn và các công ty con sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Ghi nhận doanh thu và giá vốn công trình

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và đã xuất hóa đơn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng lắp đặt, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Giá vốn công trình được ghi nhận dựa theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ và tỷ lệ lãi gộp công trình dự tính. Tổng Giám đốc và Giám đốc các công ty con có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

2.7 Ghi nhận doanh thu và giá vốn công trình (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập về cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được phê chuẩn.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm hoặc công trình được sản xuất, lắp đặt, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà cửa	3 – 30 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định khác	6 – 12 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, bao gồm tài sản cố định hữu hình đang xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

2.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Tập đoàn trong năm.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.15 Chia cổ tức

Phần cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hoặc được Hội đồng quản trị thông qua (trong trường hợp tạm ứng cổ tức).

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng tính đến ngày kết thúc niên độ.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác, v v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Tiền mặt	146.434.050	641.419.628
Tiền gửi ngân hàng	170.601.027.006	56.257.978.024
Tiền đang chuyển	-	200.000.000
	<u>170.747.461.056</u>	<u>57.099.397.652</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	-	196.000.000.000
Đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết (*)	11.222.181.878	13.477.797.743
Đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết (*)	6.304.182.358	7.116.682.358
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	(9.008.491.781)	(8.333.802.961)
	<u>8.517.872.455</u>	<u>208.260.677.140</u>

(*) Danh sách của chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết theo giá trị và số lượng:

	Mã CP	31.12.2010		31.12.2009	
		Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VNĐ)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết					
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E (REE) (i)	REE	160.160	4.321.237.010	122.800	7.464.272.875
NHTMCP Cổ phần Á Châu	ACB	44.954	1.782.499.500	37.462	1.707.579.500
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	DPM	6.500	395.242.938	6.500	395.242.938
Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	PVF	10.000	680.000.000	10.000	680.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	EIB	120.097	3.230.702.430	100.081	3.230.702.430
Công ty Bia Sài Gòn Phú Yên	SMB	17.576	812.500.000	-	-
		<u>359.287</u>	<u>11.222.181.878</u>	<u>276.843</u>	<u>13.477.797.743</u>
Cổ phiếu chưa niêm yết					
NHTM Cổ phần Phương Đông		144.592	3.591.507.358	144.592	3.591.507.358
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long		31.350	1.582.500.000	31.350	1.582.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông		28.500	1.130.175.000	28.500	1.130.175.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Yên	SMB	-	-	17.576	812.500.000
		<u>204.442</u>	<u>6.304.182.358</u>	<u>222.018</u>	<u>7.116.682.358</u>
TỔNG CỘNG		<u>563.729</u>	<u>17.526.364.236</u>	<u>498.861</u>	<u>20.594.480.101</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)****Lý do tăng giảm:**

1. Cổ phiếu REE: Tăng trong kỳ do nhận cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 120%, tăng tương ứng 87.360 CP; Giảm trong kỳ do bán ra 50.000 CP, tương ứng 3.143.035.865 VND.
2. Cổ phiếu ACB: Tăng trong kỳ do mua cổ phiếu phát hành thêm: 7.492 CP, tương ứng 74.920.000 VND.
3. Cổ phiếu EIB: Tăng trong kỳ do nhận cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 20%, tăng tương ứng 20.016 CP.
4. Cổ phiếu SMB: Chuyển từ cổ phiếu chưa niêm yết sang cổ phiếu đã niêm yết trên sàn UPCOM.

() Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá thị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	31.12.2010 VND	31.12.2009 VND
Số dư đầu năm	(8.333.802.961)	(13.373.867.251)
Tăng dự phòng	(1.818.251.820)	(3.115.661.264)
Hoàn nhập	1.143.563.000	8.155.725.554
Số dư cuối năm	<u>(9.008.491.781)</u>	<u>(8.333.802.961)</u>

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Mã CP	31.12.2010		31.12.2009	
		Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Cổ phiếu niêm yết					
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SVC)					
	SVC	114.396	1.729.907.034	164.399	2.486.052.400
Ngân hàng TMCP NT Việt Nam					
	VCB	38.247	3.052.885.000	35.000	3.020.415.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec					
	CTD	34.900	4.160.000.000	20.940	4.160.000.00
Công ty Seaprodex Đà Nẵng					
	SPD	71.950	669.303.200	-	-
		<u>259.493</u>	<u>9.612.095.234</u>	<u>220.339</u>	<u>9.666.467.400</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31.12.2010		31.12.2009	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VNĐ)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VNĐ)
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	51.506	1.866.946.500	51.506	1.866.946.500
Công ty Seaprodex Đà Nẵng	SPD	-	71.950	669.303.200
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	31.906	319.068.944	31.906	319.068.944
	<u>83.412</u>	<u>2.186.015.444</u>	<u>155.362</u>	<u>2.855.318.644</u>
TỔNG CỘNG	<u>342.905</u>	<u>11.798.110.678</u>	<u>375.701</u>	<u>12.521.786.044</u>

Lý do tăng giảm:

1. Cổ phiếu CTD: Tăng trong kỳ do nhận cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 3:2, tăng tương ứng 13.960 CP.
2. Cổ phiếu VCB: Tăng trong kỳ do mua thêm 3.247 cổ phiếu thưởng, tăng tương ứng 32.470.000 đồng.
3. Cổ phiếu SVC: Giảm trong kỳ do bán ra 50.003 CP, tương ứng 756.145.366 đồng.
4. Cổ phiếu SPD: Chuyển từ cổ phiếu chưa niêm yết sang cổ phiếu đã niêm yết trên sàn UPCOM.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Số dư đầu năm	(4.769.246.202)	(9.069.040.726)
Tăng dự phòng	(243.270.020)	-
Hoàn nhập	648.840.000	4.299.794.524
Số dư cuối năm	<u>(4.363.676.222)</u>	<u>(4.769.246.202)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ khách hàng	102.326.786.901	103.933.377.692
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.426.072.323)	(5.995.066.862)
	<u>81.900.714.578</u>	<u>97.938.310.830</u>

6 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	18.816.980.472	21.452.213.554
Nguyên vật liệu tồn kho	33.172.828.331	30.653.092.989
Chi phí công trình dở dang	99.637.917.545	92.761.514.106
Thành phẩm tồn kho	4.064.953.100	1.898.852.419
	<u>155.692.679.448</u>	<u>146.765.673.068</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.284.459.620)	(3.101.520.261)
	<u>153.408.219.828</u>	<u>143.664.152.807</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	(3.101.520.261)	(2.565.896.714)
Tăng dự phòng	(85.293.861)	(535.623.547)
Hoàn nhập	902.354.502	-
	<u>(2.284.459.620)</u>	<u>(3.101.520.261)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Trang thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	17.532.241.830	31.362.022.446	7.921.960.022	4.123.719.585	1.314.087.405	62.254.031.288
Mua trong năm	-	4.510.857.861	1.725.365.507	1.192.204.509	-	7.428.427.877
Đầu tư xây dựng cơ bản mới hoàn thành	51.161.872.419	3.854.806.219	-	1.069.569.017	65.020.000	56.151.267.655
Phân loại lại	39,320,152	-	-	(14.320.152)	(25.000.000)	-
Thanh lý nhượng bán	-	(533.038.352)	(64.105.000)	(954.566.238)	-	(1.551.709.590)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	68.733.434.401	39.194.648.174	9.583.220.529	5.416.606.721	1.354.107.405	124.282.017.230
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	10.050.094.097	19.169.020.462	3.570.541.318	3.335.718.736	748.499.404	36.873.874.017
Khấu hao trong năm	2.669.636.123	2.983.351.792	856.005.113	479.673.985	101.686.043	7.090.353.056
Thanh lý nhượng bán	-	(533.038.352)	(64.105.000)	(950.573.320)	-	(1.547.716.672)
Phân loại lại	14.320.152	-	-	(14.320.152)	-	-
Điều chỉnh khấu hao	-	-	-	(337.260)	-	(337.260)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	12.734.050.372	21.619.333.902	4.362.441.431	2.850.161.989	850.185.447	42.416.173.141
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	7.482.147.733	12.193.001.984	4.351.418.704	788.000.849	565.588.001	25.380.157.271
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	55.999.384.029	17.575.314.272	5.220.779.098	2.566.444.732	503.921.958	81.865.844.089

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 67.237.530.123 đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay dài hạn từ ngân hàng (xem Thuyết minh số 10(b)).

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 25.602.850.125 đồng Việt Nam.

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	74.810.053	4.161.384.720	111.387.753	4.347.582.526
Tăng trong năm	173.603.000	-	-	173.603.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	248.413.053	4.161.384.720	111.387.753	4.521.185.526
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	51.951.425	-	72.402.064	124.353.489
Khấu hao trong năm	29.650.715	-	5.569.392	35.220.107
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	81.602.140	-	77.971.456	159.573.596
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	22.858.628	4.161.384.720	38.985.689	4.223.229.037
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	166.810.913	4.161.384.720	33.416.297	4.361.611.930

Trong báo cáo tài chính của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản mục quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao và chi phí cải tạo mặt bằng. Báo cáo tài chính của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí cải tạo mặt bằng được phân loại lại thành một khoản riêng.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Số dư đầu năm	11.133.170.282	8.896.585.787
Tăng	54.216.093.248	2.438.645.785
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(56.151.267.655)	(202.061.290)
Chuyển sang Công cụ dụng cụ	(614.584.053)	-
Số dư cuối năm	8.583.411.822	11.133.170.282

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là những chi phí phát sinh cho việc xây dựng nhà xưởng của công ty Arico chưa được hoàn thành tại thời điểm cuối năm.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Số dư đầu năm	181.783.143	294.449.817
Phát sinh tăng	39.906.088.759	47.580.294
Phân bổ	(1.536.804.511)	(160.246.968)
Số dư cuối năm	<u>38.551.067.391</u>	<u>181.783.143</u>

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm tiền thuế đất tại khu Công Nghiệp Tân tạo của công ty con Arico, được phân bổ trong vòng 40,67 năm.

9 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động góp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Số dư đầu năm	9.203.661.246	3.787.257.045
(Giảm)/tăng trong năm	(2.812.032.966)	5.416.404.201
Số dư cuối năm	<u>6.391.628.280</u>	<u>9.203.661.246</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản dự phòng và các khoản chi phí trích trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	9.203.661.246	9.203.661.246
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	(2.812.032.966)	(2.812.032.966)
Số dư cuối năm	<u>6.391.628.280</u>	<u>6.391.628.280</u>

10 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	17.639.025.534	84.402.956.942
Vay dài hạn đến hạn trả	8.970.937.378	-
	26.609.962.912	84.402.956.942
	26.609.962.912	84.402.956.942
Trong đó:		
- Vay tại VP hội sở TP Hồ Chí Minh	-	75.038.229.227
- Vay tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	9.364.727.715
- Vay tại Công ty Arico	26.609.962.912	-

Tại VP.HCM:

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: không có số dư tại Ngân hàng Hồng Kông và Thương Hải (2009: số dư là 24.999.936.238 đồng Việt Nam với lãi suất trung bình: 10% (chủ yếu vay nội tệ)).

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: không có số dư tại ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM (2009: số dư là 50.038.292.989 đồng Việt Nam với lãi suất trung bình: 12% (chủ yếu vay Nội tệ)).

Tại Đà Nẵng:

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: không có số dư tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2009: số dư là 1.768.910.836 đồng Việt Nam với lãi suất trung bình: 12% (chủ yếu vay nội tệ)).

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: không có số dư tại Ngân hàng liên doanh Việt-Nga – Chi nhánh Đà Nẵng (2009: số dư là 3.343.799.879 đồng Việt Nam với lãi suất trung bình: 6,5% (chủ yếu vay ngoại tệ)).

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: không có số dư tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (2009: số dư là 4.252.017.000 đồng Việt Nam với lãi suất trung bình: 6% (chủ yếu vay ngoại tệ)).

Tại Công ty Arico:

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010:

- Vay ngắn hạn với số tiền là 17.639.025.534 đồng Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM và Ngân hàng Hồng Kông và Thương Hải với lãi suất trung bình: 6% (chủ yếu vay ngoại tệ).
- Nợ dài hạn đến hạn trả là 8.970.937.378 đồng Việt Nam (xem thuyết minh 10(b)).

10 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Các khoản vay dài hạn	51.582.889.926	1.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(8.970.937.378)	-
	<u>42.611.952.548</u>	<u>1.400.000.000</u>
Trong đó:		
- Vay tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	1.400.000.000
- Vay tại Công ty Arico	42.611.952.548	-

Tại Đà Nẵng:

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là khoản vay của Searee Đà Nẵng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng vay số 01DH/03 CP155 ngày 8 tháng 10 năm 2003 theo kỳ hạn 96 tháng với lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng +0,2%/tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo thế chấp TSCĐ số 1/DH/03CP155/PL1 ngày 7 tháng 3 năm 2005.

Tại Công ty Arico:

Số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010: 51.582.889.926 đồng Việt Nam tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - Chi nhánh TP.HCM với lãi suất trung bình: 15% (chủ yếu vay nội tệ) theo hợp đồng vay số: 00310/2009/0001403 ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 70/2009/3216846 ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản vay này được hỗ trợ 50% lãi suất, thời hạn vay 7 năm (theo QĐ số 4728/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2009 của UBND TP.HCM).

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.905.286.415	2.553.256.476
Thuế thu nhập cá nhân	410.020.258	321.931.187
Thuế xuất, nhập khẩu	10.337.617	699.969.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	932.917.993	16.391.455.216
	<u>3.258.562.283</u>	<u>19.966.612.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trích trước cho các công trình	49.536.400.932	55.404.654.219
Chi phí hoạt động khác	1.175.553.394	374.968.303
	<u>50.711.954.326</u>	<u>55.779.622.522</u>

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức phải trả	259.896.500	5.779.955.600
Tiền bảo hành giữ lại	906.765.156	593.165.796
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	831.534.763	555.557.617
Phải trả cho Nhà nước khi cổ phần hóa	-	245.044.132
Tài sản thừa chờ xử lý	21.635.420	619.497
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	3.153.301.032	4.528.297.529
	<u>5.173.132.871</u>	<u>11.702.640.171</u>

(*) Số liệu năm 2009 phân loại lại cho đúng để so sánh.

14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là những khoản dự phòng bảo hành công trình đã được hoàn thành và nghiệm thu tại thời điểm lập báo cáo cuối năm.

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	1.584.724.959	2.787.040.038
Trích lập quỹ	3.089.688.232	1.307.755.626
Sử dụng quỹ	(3.498.090.742)	(2.510.070.705)
	<u>1.176.322.449</u>	<u>1.584.724.959</u>

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2010 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2009 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	8.020.066	8.020.066
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:		
Cổ phiếu phổ thông	8.020.066	8.020.066
Số lượng cổ phiếu ngân quỹ do công ty nắm giữ:		
Cổ phiếu phổ thông công ty mua lại	(707.140)	(2.150)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.312.926	8.017.916

(b) Chi tiết cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	31.12.2010		31.12.2009	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Cổ phần của Nhà nước	1.038.000	14,19%	1.038.000	12,95%
Cổ phần của các đối tượng khác	6.274.926	85,81%	6.979.916	87,05%
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.312.926	100,00%	8.017.916	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	80.200.660.000	188.826.182.260	(64.500.000)	8.139.953.052	2.382.874.832	7.347.260.415	286.832.430.559
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	39.687.195.943	39.687.195.943
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.026.875.508)	(12.026.875.508)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.216.687.412	362.815.869	(2.887.258.907)	(1.307.755.626)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	80.200.660.000	188.826.182.260	(64.500.000)	9.356.640.464	2.745.690.701	32.120.321.943	313.184.995.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	44.849.241.556	44.849.241.556
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.086.216.000)	(27.086.216.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	2.866.288.566	1.931.055.145	(7.887.031.943)	(3.089.688.232)
Giảm khác	-	(95.000.000)	(19.651.903.356)	-	-	-	(19.746.903.356)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	80.200.660.000	188.731.182.260	(19.716.403.356)	12.222.929.030	4.676.745.846	41.996.315.556	308.111.429.336

(*) Số còn lại là khoản trích lập cho quỹ phúc lợi, khen thưởng (xem thuyết minh số 15).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu hợp đồng công trình	515.911.054.179	397.432.980.870
Doanh thu bán hàng hóa	2.820.104.333	2.162.421.899
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(61.400.000)	-
Giảm giá hàng bán	-	(1.592.773.523)
	<u>518.669.758.512</u>	<u>398.002.629.246</u>

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	24.128.803.671	21.236.280.435
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.047.301.280	530.823.058
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	3.004.824.876
Cổ tức, lợi nhuận được chia	644.654.600	624.114.110
Lãi do thanh lý đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	1.196.830.634	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	299.147.069	85.871.640
Các thu nhập tài chính khác	66.609	1.415.126
	<u>27.316.803.863</u>	<u>25.483.329.245</u>

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hợp đồng công trình	428.602.464.946	333.154.136.506
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.981.483.774	1.676.699.341
(Hoàn nhập)/dự phóng giảm giá hàng tồn kho	(817.060.641)	535.623.547
	<u>431.766.888.079</u>	<u>335.366.459.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

Mẫu số B 09a – DN/HN

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư ngắn/dài hạn	269.118.840	(9.339.858.814)
Lỗi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.192.837.609	4.302.286.151
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn/dài hạn	423.055.865	3.090.411.000
Chi phí lãi vay	7.180.903.758	3.349.960.633
Lỗi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.437.892	1.358.149.273
Chi phí tài chính khác	13.865.027	45.512.484
	<u>14.106.218.991</u>	<u>2.806.460.727</u>

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Chi phí nhân công	20.772.567.022	21.325.946.902
Chi phí nguyên vật liệu	1.049.201.831	532.951.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.386.711.952	1.447.212.006
Phí, lệ phí	1.155.125.429	1.108.850.413
Chi phí dự phòng	14.884.817.277	3.246.177.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.406.628.848	5.106.739.193
Chi phí bằng tiền khác	4.251.751.447	2.345.914.289
	<u>49.906.803.806</u>	<u>35.113.791.905</u>

22 THUẾ

Tại VP.HCM: Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng: Ban Giám đốc đánh giá chi nhánh này được hưởng thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Chi nhánh được miễn thuế 2 năm và được giảm trừ thuế 50% trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2005.

Tại Công ty Arico: Ban Giám đốc đánh giá công ty được hưởng thuế suất TNDN ưu đãi như sau:

- Thuế suất: Được hưởng mức thuế suất 15%, trong vòng 12 năm kể từ khi phát sinh doanh thu.
- Thời gian miễn, giảm thuế: Miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

22 THUẾ (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.493.067.974	51.628.715.232
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(644.654.600)	(624.114.110)
Chi phí không được khấu trừ	992.660.027	108.838.076
Các khoản chênh lệch tạm thời	(11.509.481.379)	22.582.626.900
Tổng thu nhập chịu thuế	39.331.592.022	73.696.066.098
Trong đó:		
Thu nhập không được miễn giảm thuế	3.878.366.563	-
Thu nhập được miễn giảm thuế	35.453.225.459	73.696.066.098
Thuế tính ở thuế suất 25%	9.832.898.006	18.424.016.523
Điều chỉnh của năm trước	(65.505.421)	-
Thuế giảm trừ do tính thuế suất 10% ở chi nhánh Đà Nẵng	(2.891.560.847)	(1.066.093.033)
Thuế miễn giảm tại công ty con Arico	(4.044.038.286)	-
Thuế TNDN hiện hành	2.831.793.452	17.357.923.490
Thuế TNDN hoãn lại	2.812.032.966	(5.416.404.201)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.643.826.418	11.941.519.289

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	31.12.2010	31.12.2009
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	44.849.241.556	39.687.195.943
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	7.803.062	8.017.906
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	5.748	4.950

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.718.861.144	3.510.273.112

25 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Dưới 1 năm	92.402.640	1.770.757.940
Từ 1 đến 5 năm	569.521.920	4.604.862.960
Trên 5 năm	5.200.593.313	11.391.397.140
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	5.862.517.873	17.767.018.040

26 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Việc phân loại lại không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ trước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	Nội dung	Tại ngày 31.12.2009	
		Trước khi phân loại lại VNĐ	Sau khi phân loại lại VNĐ
132	Trả trước cho người bán	68.464.079.784	107.593.996.584
135	Các khoản phải thu khác	43.780.930.912	4.651.014.112
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19.563.189.531	11.702.640.171
338	Doanh thu chưa thực hiện	-	7.860.549.360
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1.584.724.959
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.584.724.959	-
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
21	Thu nhập từ hoạt động tài chính	34.823.188.059	25.483.329.245
22	Chi phí tài chính	(12.146.319.541)	(2.806.460.727)

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân loại là nợ ngắn hạn do bản chất của nghiệp vụ phát sinh.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám Đốc duyệt ngày 21 tháng 3 năm 2011.



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Lê Tân Phước
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	TÀI SẢN	31.12.2010			Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	339.982.610.484	139.644.258.392	(35.785.322.251)	443.841.546.625
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	142.233.518.958	28.513.942.098	-	170.747.461.056
111	Tiền	142.233.518.958	28.513.942.098	-	170.747.461.056
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.517.872.455	-	-	8.517.872.455
121	Đầu tư ngắn hạn	17.526.364.236	-	-	17.526.364.236
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.008.491.781)	-	-	(9.008.491.781)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	90.289.911.762	42.951.533.902	(35.785.322.251)	97.456.123.413
131	Phải thu khách hàng	98.092.501.163	37.646.727.372	(33.412.441.634)	102.326.786.901
132	Trả trước cho người bán	11.103.082.650	916.268.309	-	12.019.350.959
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.520.400.272	4.388.538.221	(2.372.880.617)	3.536.057.876
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.426.072.323)	-	-	(20.426.072.323)
140	IV. Hàng tồn kho	95.104.475.215	58.303.744.613	-	153.408.219.828
141	Hàng tồn kho	96.302.803.963	59.389.875.485	-	155.692.679.448
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.198.328.748)	(1.086.130.872)	-	(2.284.459.620)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	3.836.832.094	9.875.037.779	-	13.711.869.873
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	31.404.842	-	-	31.404.842
152	Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ	-	6.628.667.934	-	6.628.667.934
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.607.709.407	12.574.675	-	1.620.284.082
158	Tài sản ngắn hạn khác	2.197.717.845	3.233.795.170	-	5.431.513.015

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	TÀI SẢN	31.12.2010			Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	103.091.502.348	114.106.495.620	(70.000.000.000)	147.197.997.968
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-		
218	Phải thu dài hạn khác	-	-		
220	II. Tài sản cố định	19.107.383.405	75.703.484.436	-	94.810.867.841
221	Tài sản cố định hữu hình	14.745.771.475	67.120.072.614	-	81.865.844.089
222	Nguyên giá	31.240.328.547	72.146.110.261	(20.895.578.422)	124.282.017.230
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(16.494.557.072)	(5.026.037.647)	20.895.578.422	(42.416.173.141)
227	Tài sản cố định vô hình	4.361.611.930	-	-	4.361.611.930
228	Nguyên giá	4.521.185.526	-	-	4.521.185.526
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(159.573.596)	-	-	(159.573.596)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	8.583.411.822	-	8.583.411.822
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	77.434.434.456	-	(70.000.000.000)	7.434.434.456
251	Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	-	(70.000.000.000)	-
258	Đầu tư dài hạn khác	11.798.110.678	-	-	11.798.110.678
259	Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(4.363.676.222)	-	-	(4.363.676.222)
260	IV. Tài sản dài hạn khác	6.549.684.487	38.403.011.184	-	44.952.695.671
261	Chi phí trả trước dài hạn	158.056.207	38.393.011.184	-	38.551.067.391
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.391.628.280	-	-	6.391.628.280
268	Tài sản dài hạn khác	-	10.000.000	-	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	443.074.112.832	253.750.754.012	(105.785.322.251)	591.039.544.593

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	NGUỒN VỐN	31.12.2010		Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ		
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	151.126.272.541	167.587.164.967	(35.785.322.251)	282.928.115.257
310	I. Nợ ngắn hạn	144.558.429.730	123.565.499.028	(35.785.322.251)	232.338.606.507
311	Vay và nợ ngắn hạn	-	26.609.962.912	-	26.609.962.912
312	Phải trả người bán	42.088.834.133	36.172.601.458	(33.412.441.634)	44.848.993.957
313	Người mua trả tiền trước	68.352.461.084	14.717.731.886	-	83.070.192.970
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.060.658.965	197.903.318	-	3.258.562.283
315	Phải trả người lao động	7.423.475.457	2.363.989.491	-	9.787.464.948
316	Chi phí phải trả	10.057.013.286	40.654.941.040	-	50.711.954.326
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.265.418.605	280.594.883	(2.372.880.617)	5.173.132.871
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.258.424.190	2.443.595.601	-	7.702.019.791
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.052.144.010	124.178.439	-	1.176.322.449
330	II. Nợ dài hạn	6.567.842.811	44.021.665.939	-	50.589.508.750
334	Vay và nợ dài hạn	-	42.611.952.548	-	42.611.952.548
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.121.295.200	1.409.713.391	-	5.531.008.591
338	Doanh thu chưa thực hiện	2.446.547.611	-	-	2.446.547.611
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	291.947.840.291	86.163.589.045	(70.000.000.000)	308.111.429.336
410	I. Vốn chủ sở hữu	291.947.840.291	86.163.589.045	(70.000.000.000)	308.111.429.336
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.200.660.000	70.000.000.000	(70.000.000.000)	80.200.660.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	188.731.182.260	-	-	188.731.182.260
414	Cổ phiếu ngân quỹ	(19.716.403.356)	-	-	(19.716.403.356)
417	Quỹ đầu tư phát triển	12.222.929.030	-	-	12.222.929.030
418	Quỹ dự phòng tài chính	4.676.745.846	-	-	4.676.745.846
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.832.726.511	16.163.589.045	-	41.996.315.556
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	443.074.112.832	253.750.754.012	(105.785.322.251)	591.039.544.593

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	TÀI SẢN	31.12.2009			Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	622.582.873.181	-	-	622.582.873.181
110	I. Tiền	57.099.397.652	-	-	57.099.397.652
111	Tiền	57.099.397.652	-	-	57.099.397.652
120	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	208.260.677.140	-	-	208.260.677.140
121	Đầu tư ngắn hạn	216.594.480.101	-	-	216.594.480.101
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.333.802.961)	-	-	(8.333.802.961)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	210.183.321.526	-	-	210.183.321.526
131	Phải thu khách hàng	103.933.377.692	-	-	103.933.377.692
132	Trả trước cho người bán	107.593.996.584	-	-	107.593.996.584
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.651.014.112	-	-	4.651.014.112
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.995.066.862)	-	-	(5.995.066.862)
140	IV. Hàng tồn kho	143.664.152.807	-	-	143.664.152.807
141	Hàng tồn kho	146.765.673.068	-	-	146.765.673.068
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.101.520.261)	-	-	(3.101.520.261)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	3.375.324.056	-	-	3.375.324.056
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	86.007.563	-	-	86.007.563
152	Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ	474.439.593	-	-	474.439.593
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	135.604.816	-	-	135.604.816
158	Tài sản ngắn hạn khác	2.679.272.084	-	-	2.679.272.084

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	TÀI SẢN	31.12.2009			Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	57.874.540.821	-	-	57.874.540.821
220	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
221	Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
220	II. Tài sản cố định	40.736.556.590	-	-	40.736.556.590
221	Tài sản cố định hữu hình	25.380.157.271	-	-	25.380.157.271
222	Nguyên giá	62.254.031.288	-	-	62.254.031.288
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(36.873.874.017)	-	-	(36.873.874.017)
227	Tài sản cố định vô hình	4.223.229.037	-	-	4.223.229.037
228	Nguyên giá	4.347.582.526	-	-	4.347.582.526
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(124.353.489)	-	-	(124.353.489)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.133.170.282	-	-	11.133.170.282
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.752.539.842	-	-	7.752.539.842
258	Đầu tư dài hạn khác	12.521.786.044	-	-	12.521.786.044
259	Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(4.769.246.202)	-	-	(4.769.246.202)
260	IV. Tài sản dài hạn khác	9.385.444.389	-	-	9.385.444.389
261	Chi phí trả trước dài hạn	181.783.143	-	-	181.783.143
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.203.661.246	-	-	9.203.661.246
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	680.457.414.002	-	-	680.457.414.002

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	NGUỒN VỐN	31.12.2009		Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ		
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	367.272.418.634	-	-	367.272.418.634
310	I. Nợ ngắn hạn	352.779.178.674	-	-	352.779.178.674
311	Vay và nợ ngắn hạn	84.402.956.942	-	-	84.402.956.942
312	Phải trả người bán	60.545.670.227	-	-	60.545.670.227
313	Người mua trả tiền trước	102.242.588.882	-	-	102.242.588.882
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.966.612.522	-	-	19.966.612.522
315	Phải trả người lao động	11.558.508.901	-	-	11.558.508.901
316	Chi phí phải trả	55.779.622.522	-	-	55.779.622.522
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.702.640.171	-	-	11.702.640.171
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.995.853.548	-	-	4.995.853.548
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.584.724.959	-	-	1.584.724.959
330	II. Nợ dài hạn	14.493.239.960	-	-	14.493.239.960
334	Vay và nợ dài hạn	1.400.000.000	-	-	1.400.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.232.690.600	-	-	5.232.690.600
338	Doanh thu chưa thực hiện	7.860.549.360	-	-	7.860.549.360
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	313.184.995.368	-	-	313.184.995.368
410	I. Vốn chủ sở hữu	313.184.995.368	-	-	313.184.995.368
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.200.660.000	-	-	80.200.660.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	188.826.182.260	-	-	188.826.182.260
414	Cổ phiếu ngân quỹ	(64.500.000)	-	-	(64.500.000)
417	Quỹ đầu tư phát triển	9.356.640.464	-	-	9.356.640.464
418	Quỹ dự phòng tài chính	2.745.690.701	-	-	2.745.690.701
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.120.321.943	-	-	32.120.321.943
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	680.457.414.002	-	-	680.457.414.002

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC 2 – BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	CHỈ TIÊU	31.12.2010			Tổng cộng VNĐ
		Searefico VNĐ	Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.255.053.140	162.793.666.026	(84.317.560.654)	518.731.158.512
3	Các khoản giảm trừ doanh thu	(61.400.000)	-	-	(61.400.000)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.193.653.140	162.793.666.026	(84.317.560.654)	518.669.758.512
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(382.110.217.157)	(133.974.231.576)	84.317.560.654	(431.766.888.079)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.083.435.983	28.819.434.450	-	86.902.870.433
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25.313.243.698	2.003.560.165	-	27.316.803.863
22	Chi phí tài chính	(10.977.523.205)	(3.128.695.786)	-	(14.106.218.991)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(5.276.961.994)	(1.903.941.764)	-	(7.180.903.758)
24	Chi phí bán hàng	(105.380.041)	(558.590.454)	-	(663.970.495)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(38.945.258.388)	(10.961.545.418)	-	(49.906.803.806)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.368.518.047	16.174.162.957	-	49.542.681.004
31	Thu nhập khác	2.073.938.821	2.010.976	(853.934.979)	1.222.014.818
32	Chi phí khác	(1.112.977.939)	(12.584.888)	853.934.979	(271.627.848)
40	Lợi nhuận khác	960.960.882	(10.573.912)	-	950.386.970
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.329.478.929	16.163.589.045	-	50.493.067.974
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.831.793.452)	-	-	(2.831.793.452)
52	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(2.812.032.966)	-	-	(2.812.032.966)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.685.652.511	16.163.589.045	-	44.849.241.556
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-	5.748

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

PHỤ LỤC 2 – BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ

Mã số	CHỈ TIÊU	Searefico VNĐ	31.12.2009		Tổng cộng VNĐ
			Arico VNĐ	Loại trừ VNĐ	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	399.595.402.769	-	-	399.595.402.769
3	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.592.773.523)	-	-	(1.592.773.523)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	398.002.629.246	-	-	398.002.629.246
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(335.366.459.394)	-	-	(335.366.459.394)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.636.169.852	-	-	62.636.169.852
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25.483.329.245	-	-	25.483.329.245
22	Chi phí tài chính	(2.806.460.727)	-	-	(2.806.460.727)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.349.960.633)	-	-	(3.349.960.633)
24	Chi phí bán hàng	(582.174.645)	-	-	(582.174.645)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(35.113.791.905)	-	-	(35.113.791.905)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.617.071.820	-	-	49.617.071.820
31	Thu nhập khác	2.917.230.941	-	-	2.917.230.941
32	Chi phí khác	(905.587.529)	-	-	(905.587.529)
40	Lợi nhuận khác	2.011.643.412	-	-	2.011.643.412
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.628.715.232	-	-	51.628.715.232
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.357.923.490)	-	-	(17.357.923.490)
52	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	5.416.404.201	-	-	5.416.404.201
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.687.195.943	-	-	39.687.195.943
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.950	-	-	4.950

Các thông tin bổ sung từ trang 35 đến trang 42 được Công ty trình bày tự nguyện và không hợp thành một bộ phận của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LẠNH

TRỤ SỞ CHÍNH – VĂN PHÒNG CÔNG TY:

- Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu , P.12, Q.Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3846 3847
- Fax: (84-8) 3846 2932
- Email: info@searefico.com
- Website: <http://www.searefico.com>

CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN KỸ NGHỆ LẠNH Á CHÂU (ARICO):

- Lô 25-27 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 375 45678
 - Fax: (84-8) 375 45679
 - Email: info@arico.com.vn
 - Website: <http://www.arico.com.vn>

NHÀ MÁY AN DƯƠNG VƯƠNG:

- Địa chỉ: 127 An Dương Vương, P.10, Q.6, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3875 2116
- Fax: (84-8) 3875 3003
- Email: info@searefico.com, info@arico.com.vn

CÔNG TY CƠ ĐIỆN LẠNH ĐÀ NẴNG (SEAREE):

- Đường số 10, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-511) 3736 253
 - Fax: (84-511) 3736 252
 - Email: searee@searefico.com
 - Website: <http://www.searee.com>

VPĐD HÀ NỘI:

- Địa chỉ: P.1005 Hà Thành Plaza, Tòa nhà B, Số 102 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3537 9648
- Fax: (84-4) 3537 9647
- Email: hanoi@searefico.com